UBND THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

# TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI XUÂN

BÁO CÁO

**TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2024 - 2025**

QUẢNG NINH - 2025

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

# TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI XUÂN

BÁO CÁO

**TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2024 – 2025**

# DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN TỔ TỰ ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ VÀ TÊN** | **CHỨC DANH**  **- CHỨC VỤ** | **NHIỆM VỤ** | **Chữ Ký** |
| 1 | Phạm Thị Kim Liên | Hiệu trưởng | Tổ trưởng | C:\Users\thuym\OneDrive\Desktop\chị Liên.jpg |
| 2 | Nguyễn Thị Liên | Phó Hiệu trưởng | Tổ phó | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\chữ kí đồng chí Liên chuẩn.png |
| 3 | Phạm Bích Thủy | Giáo viên | Thư kí |  |
| 4 | Trần Thị Bích Nguyệt | TTCM | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Bích Nguyệt.png |
| 5 | Nguyễn Vân Lâm | TTCM | Ủy viên | C:\Users\thuym\OneDrive\Desktop\chữ kí Lâm.png |
| 6 | Bùi Thị Nhung | TTCM | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Bùi Nhung.png |
| 7 | Trần Thanh Hoa | Giáo viên | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Thanh Hoa.png |
| 8 | Đỗ Thị Thảo | TPCM | Ủy viên |  |
| 9 | Lê Thu Hiền | Giáo viên | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Lê Hiền 5.png |
| 10 | Phạm Ngọc Hà | Giáo viên | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Phạm Hà.jpg |
| 11 | Nguyễn Thị Phương Thu | Giáo viên | Ủy viên | C:\Users\thuym\OneDrive\Desktop\phuơng Thu.jpg |
| 12 | Phạm Thị Chanh | Giáo viên | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\chanh.jpg |
| 13 | Nịnh Thị Quyết | Giáo viên | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Quyết 1.png |
| 14 | Vũ Thị Thuỳ | Giáo viên | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Thuỳ K 3.png |
| 15 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | Giáo viên | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\chữ_ký_NHUNG-.png |
| 16 | Đỗ Thị Oanh | TTCM | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Đỗ Oanh.png |
| 17 | Vi Hải Yến | TTCM | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Vi Yến.png |
| 18 | Nguyễn Thị Thuỷ | TPCM | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Nguyễn Thuỷ.png |
| 19 | Nguyễn Thị Nguyệt | TT Tổ VP | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Nguyệt KT-.png |
| 20 | Nịnh Thị Ngân | TPT | Ủy viên | C:\Users\thuym\OneDrive\Desktop\z6066179107139_8dfc98d451a2f82c18008c9f8d14bc9e.jpg |
| 21 | Vũ Kim Chi | Giáo viên | Ủy viên | C:\Users\thuym\OneDrive\Desktop\chi.png |
| 22 | Nguyễn Hoàng Yến | Giáo viên | Ủy viên | C:\Users\thuym\Documents\Zalo Received Files\ảnh chữ kí - Copy\ảnh chữ kí - Copy\Hoàng Yến.png |

# MỤC LỤC

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | 1 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá |  |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** |  |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** |  |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** |  |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** |  |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** |  |
| **1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 1.1** |  |
| **Tiêu chí 1.2** |  |
| **Tiêu chí 1.3** |  |
| **Tiêu chí 1.4** |  |
| **Tiêu chí 1.5** |  |
| **Tiêu chí 1.6** |  |
| **Tiêu chí 1.7** |  |
| ***Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học*** |  |
| **2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 2.1** |  |
| **Tiêu chí 2.2** |  |
| **Tiêu chí 2.3** |  |
| **Tiêu chí 2.4** |  |
| ***Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục*** |  |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** |  |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** |  |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. **Kết quả đánh giá**
   1. **Đánh giá tiêu chí**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả đạt** | | |
| **Mức độ 1** | **Mức độ 2** | **Mức độ 3** |
| **Nhóm tiêu chí** |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | Có |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | Có |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | x |  |
| Tiêu chí 1.4 |  |  | x |
| Tiêu chí 1.5 | x |  |  |
| Tiêu chí 1.6 |  |  | x |
| Tiêu chí 1.7 | x |  |  |
| **Nhóm tiêu chí** |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | Có |  |
| Tiêu chí 2.2 |  | Có |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | x |  |
| Tiêu chí 2.4 |  |  | x |

**2.2. Kết quả:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tên tiêu chí** | **Điểm tự đánh giá** | **Mức độ đạt được** |
| Nhóm tiêu chí 1 | Chuyển đổi số trong dạy, học | 74 điểm | Mức độ 2 (Đáp ứng cơ bản) |
| Nhóm tiêu chí 2 | Chuyển đổi số trong quản lý cơ sở giáo dục | 93 điểm | Mức độ 3 (Đáp ứng cơ bản) |

1. **Kết luận: Đạt mức độ 2:** Đáp ứng cơ bản yêu cầu chuyển đổi số năm học 2024 -2025 và thực hiện trong các năm học tiếp theo.

**Phần I**

# CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: QUẢNG NINH Huyện/quận /thị xã / thành phố: MÓNG CÁI

Xã /phường/thị trấn: HẢI XUÂN

Điện thoại: Fax:

Email: [thhaixuan@pgdmongcai.edu.vn](mailto:thhaixuan@pgdmongcai.edu.vn)

Website: https://thhaixuan.edu.vn/

Đạt mức độ chuyển đổi số: Mức 2

1. **Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên**

**\*Học sinh**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Số lớp** | **Số học sinh** | **HSKT** |
| 1 | 4 | 129 | 5 |
| 2 | 5 | 166 | 7 |
| 3 | 4 | 117 | 5 |
| 4 | 5 | 168 | 3 |
| 5 | 4 | 135 | 2 |
| **Cộng** | **22** | **715** | 22 |

**\*CBQL-Giáo viên-Nhân viên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| **Chưa đạt chuẩn** | **Đạt chuẩn** | **Trên chuẩn** |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 0 | 0 | 0 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 01 | 01 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Giáo viên | 32 | 31 | 2 | 02 | 32 | 0 |  |
| Nhân viên | 02 | 02 | 0 | 01 | 01 | 0 |  |
| **Cộng** | **36** | **35** | **2** | **03** | **33** | **1** |  |

**2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số**

* 100% CBQL-GV-NV đạt chuẩn trình độ Tin học ứng dụng.
* Hệ thống hồ sơ sổ sách chuyên môn nhà trường được lập và sử dụng là các hồ

sơ điện tử. Có văn bản hướng dẫn lập-sử dụng cụ thể vào đầu các năm học.

- CBQL-GV thành thạo sử dụng thiết bị trong họp, dạy trực tuyến. Có kỹ năng khai thác, sử dụng, tạo học liệu số phục vụ bài dạy.

* Trường có đủ thiết bị, tài khoản, hệ thống LMS có bản quyền để thực hiện dạy học, kiểm tra trực tuyến. Thực hiện phủ sóng wifi 100% phòng học. Tổ chức được các hoạt động tương tác, tài liệu trực tuyến trong quản lí, hoạt động chuyên môn.
* Khó khăn: Chưa có phòng tin học, chưa có nhiều thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại.

## 3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Trường có 3 điểm trường tổng diện tích khuôn viên 13.861,7m2, với diện tích bình quân đạt gần 18.4 m2 /HS *(tính theo sĩ số HS ở thời điểm tháng 5/2024)*. Hiện tại trường có 22 phòng học; 01 phòng nghệ thuật âm nhạc); 01 phòng thư viện; 01 phòng thiết bị; 01 phòng đoàn đội; 01 văn phòng; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng Hành chính; 01 phòng y tế; Các phòng đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường và công tác giảng dạy, học tập cho HS và GV trong nhà trường. 19 phòng học được trang bị máy chiếu. Tất cả cơ sở vật chất trên đảm bảo cho công tác dạy và học. Đặc biệt các trang thiết bị cơ sở vật chất trên đáp ứng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học, phục vụ cho các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Số phòng học của nhà trường đáp ứng đủ cho nhu cầu trên 100% học sinh được học 2 buổi/ngày. Tất cả cơ sở vật chất trên đảm bảo cho công tác dạy và học

## Các số liệu khác (nếu có)

4.1. Số lượng học liệu số ở học kì I và học kì II

<https://bit.ly/4mABeFi>; <https://bit.ly/3Fiek4I>

* 1. .Số bài dạy - Chủ đề có nội dung trực tuyến (Phụ lục)

<https://bit.ly/4mtipUv>

4.3. Phần mềm quản trị trường (Phụ lục)

- <https://www.smas.edu.vn>

- <https://truong.csdl.moet.gov.vn/Login>.

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A . ĐẶT VẤN ĐỀ**

## Tình hình chung của nhà trường

Trường tiểu học Hải Xuân nằm trên địa bàn xã Hải Xuân, là một xã thuần nông nằm gần trung tâm thành phố Móng Cái, có diện tích tự nhiên trên 15,3 km2. Trường được thành lập từ năm 1992, trên cơ sở tách ra từ trường phổ thông cơ sở Hải Xuân. Từ những năm mới thành lập trường mang tên là trường tiểu học Hải Xuân I.Trong những năm đầu mới thành lập, trường gặp rất nhiều khó khăn thiếu về cơ sở vật chất như phòng học, bàn ghế, các thiết bị và đồ dùng dạy học….Đến ngày 01 tháng 08 năm 2014 trường được sát nhập bởi 02 trường tiểu học Hải Xuân 1 và tiểu học Hải Xuân II thành trường Tiểu học Hải Xuân. Hiện nay trường có 03 điểm trường gồm (điểm trường khu trung tâm, điểm trường thôn 3 và điểm trường thôn 5).

Từ khi sát nhập (8/2014) đến nay, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, giáo viên và các em học sinh trường tiểu học Hải Xuân đã khắc phục mọi khó khăn, các thế hệ cán bộ quản lý và giáo viên của trường vẫn bền bỉ, tâm huyết, một lòng với sự nghiệp trồng người; phấn đấu vươn lên xây dựng nhà trường. Vào tháng 12 năm 2014 trường vinh dự được Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp Bằng công nhận *“Trường Tiểu học Chuẩn Quốc gia mức độ I”.* Năm học 2017- 2018 trường đạt tập thể lao động Tiên tiến Năm học 2014 – 2015; 2018 – 2019; 2022- 2023 trường đạt danh hiệu tập thể Lao động Xuất sắc. Năm học 2018-2019 nhà trường được nhận Cờ thi đua của UBND tỉnh.

## Mục đích Tự đánh giá

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (gọi tắt là Quyết định 4725) và Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên (gọi tắt là Thông tư 09); Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Công văn số 3571/SGDĐT-VP ngày 08/12/2023 về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ vào kết quả hoạt động giáo dục dạy và học cũng như hoạt động quản lý của nhà trường;

Công tác tự đánh giá chuyển đổi số còn khẳng định uy tín và nâng cao vị thế của nhà trường với phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương trong việc đáp ứng CNTT và thực hiện Chuyển đổi số. Đồng thời, từ kết quả tự đánh giá của nhà trường sẽ có những định hướng chuẩn mực cho sự phát triển đi lên của nhà trường trong các giai đoạn cụ thể tiếp theo.

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã thực hiện đảm bảo quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông.

## Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

**3.1. Ưu điểm**

- Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cản bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày. Duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến để thực hiện việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Trong quản lý giáo dục, nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT đến nhà trường qua phần mềm (csdl.moet.gov.vn/; SMAS; CCVC…). Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua cũng đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn trường hệ thống quản lý văn bản, quản lý CSDL ngành, quản lý tuyển sinh đầu cấp; quản lý cán bộ công chức, viên chức; quản lý đánh giá GV theo chuẩn nghề nghiệp (https://temis.csdl.edu.vn/), quản lý thu không dùng tiền mặt (Misa), phần mềm kế toán (misa)....

- Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học qua phần mềm smas, số điểm điện tử, học bạ điện tử, duyệt Kế hoạch bài dạy qua Drive và hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên đều vận dụng hiệu quả, tích cực. 100% cán bộ quản lý và giáo viên được cấp tài khoản kí số.

- Về nhân lực, nhà trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Tin học được đưa vào giảng dạy bắt buộc ngay từ lớp 3,4,5 và 100% học sinh lớp 3,4,5 được học Tin học 01 tiết tuần; mô hình giáo dục STEM được dạy lồng ghép trong các môn học, gần việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống.

- Về dạy - học: 100% giáo viên toàn trường sử dụng thành thạo CNTT; tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường và của ngành giáo dục; tham gia làm bài giảng điện tử e-learning.

## Tồn tại, hạn chế

- Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, dưỡng truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn dịnh. Tốc độ đường truyền chưa cao.

- Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh. Vì vậy hiện nay vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử...) còn mang tính tự phát, chưa thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

- Trình độ tin học của một số GV, NV còn hạn chế nên việc thực hiện UDCNTT còn gặp nhiều khó khăn.

- Chưa có giáo viên, nhân viên có chuyên môn sâu về tin học phụ trách về CNTT nên việc ứng dụng CNTT và triển khai quản trị về hạ tầng CNTT còn hạn chế.

- Chưa có phòng Tin học và máy tính để áp dụng việc Dạy thực hành Tin học cho HS.

# B. TỰ ĐÁNH GIÁ

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ**

## Nhóm Tiêu chí “Chuyển đổi số trong dạy học”

## Mở đầu:

Chuyển đổi số trong giáo dục là chuyển đổi số trong quản lý và chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá. Như vậy chuyển đổi số chính là ứng dụng công nghệ kỹ thuật số và hệ thống thông tin internet vào lĩnh vực giáo dục để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục. Giúp tạo ra môi trường học tập nơi mà mọi thứ kết nối với nhau. Sự kết hợp mới mẻ của công nghệ nhằm thu hẹp khoảng cách địa lý để tạo ra trải nghiệm trong học tập, đồng thời tăng cường sự tương tác của mọi người. Chuyển đổi số mang lại cơ hội áp dụng công nghệ để tạo ra những thay đổi nhanh chóng về mô hình, cách thức tổ chức và phương pháp dạy và học. Nhiều mô hình giáo dục thông minh đang được phát triển trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin; hỗ trợ đắc lực việc cá nhân hoá học tập. Việc truy cập kho kiến thức vô tận trên môi trường mạng được thực hiện nhanh chóng, dễ dàng; giúp việc tương tác giữa gia đình, nhà trường, giáo viên, học sinh…. Không chỉ đơn giản là quá trình thay đổi cách dạy, cách học hay chuyển từ dạy và học trực tiếp sang dạy học trực tuyến trong bối cảnh chuyển đổi số.

Trên cơ sở điều kiện thực tế tại đơn vị, nhà trường xây dựng ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến và tổ chức triến khai những phần mềm sử dụng dạy học trực tuyến. Tổ chức xây dựng học liệu cũng như tiến hành kiểm duyệt các học liệu đã số hoá. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh trên phòng máy tính. Để thực hiện chuyển đổi số trong dạy, học phải có sự phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số và đảm bảo hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học.

* 1. **Tiêu chí 1.1:** Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)

## Mô tả hiện trạng

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT thành phố Móng Cái, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, trong đó có các giải pháp thể hiện rõ trong phân phối chương trình - phụ lục 1 theo công văn số 2345 ngày 07/06/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch số 25/KH-THHX ngày 18/8/2024; kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học và thực hiện đáp ứng nội dung tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến [1-1.1.01]. Trường xây dựng được Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin chuyển đổi số và thống kế giáo dục năm học 2024-2025 số 94/KH-THHX ngày 20/9/2024 [1-1.1.03]

Nội dung kế hoạch xác định rõ cách thức thực hiện và yêu cầu thực hiện thống kê tiết học, bài học theo môn/khối lớp về nội dung tổ chức dạy học trực tuyến theo kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024-2025 [1-1.1.01]. Nội dung kế hoạch dạy học trực tuyến đảm các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT.

## Điểm mạnh

Chủ động thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến gắn liền với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số.

Các kế hoạch đã có xây dựng các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp cho giáo viên, nhân viện thực hiện và đánh giá hiệu quả.

## Điểm yếu

Giải pháp thực hiện các kế hoạch còn chưa cho thấy hiệu quả trong lựa chọn nhân tố phân công nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả chưa có tiêu chí rõ ràng.

Kế hoạch tổ chức dạy trực tuyến kết hợp trực tiếp trong điều kiện bình thường (không có dịch bệnh, thiên tai phải nghỉ học) để nhằm mục đích nâng cao kĩ năng dạy trực tuyến cho giáo viên và phát triển năng lực tự học cho học sinh đã được triển khai nhưng tổ chức thực hiện chưa hiệu quả, số tiết dạy trực tuyến còn rất ít, triển khai cũng như tổ chức còn gặp rất nhiều khó khăn, bất cập.

## Kế hoạch cải tiến

CBQL trường cần có phân tích đánh giá chính xác hiện trạng, điều kiện thực hiện triển khai chuyển đổi số trong dạy học để xác định chỉ tiêu, mục tiêu phù hợp hơn.

Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra và rút kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực thực hiện sử dụng đồ dùng thiết bị công nghệ cho đội ngũ CBQL-GV-NV.

* + 1. **Tự đánh giá: Đạt mức độ 2**
  1. **Tiêu chí 1.2: Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến**
     1. **Mô tả hiện trạng**

Trường điều chỉnh, ban hành quy chế dạy học trực tuyến của năm học làm căn cứ cho các tổ chuyên môn xây dựng Phụ lục 1, 2, 3, 4 theo công văn số 2345 ngày 07/06/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học và thực hiện đáp ứng nội dung tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến. Từ đó giúp giáo viên có sự chuẩn bị phù hợp cho hoạt động xây dựng nguồn học liệu số của bản thân trong quá trình dạy học Quy chế dạy học trực tuyến thể hiện rõ các nội dung về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Nguyên tắc tổ chức dạy học trực tuyến; Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến (trực tuyến đồng thời/không đồng thời); Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị đối với dạy học trực tuyến; Nhiệm vụ và quyền của nhà trường, giáo viên, học sinh trong dạy học trực tuyến; Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến; Chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến; Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến. [1-1.2.01].

## Điểm mạnh

Quy chế dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

## Điểm yếu

Quy chế dạy học trực tuyến còn chưa đảm bảo cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh

## Kế hoạch cải tiến

Tăng cường bám sát các hướng dẫn tại Thông tư 09 và các thay đổi về điều kiện công nghệ của trường, môi trường giáo dục để điều chỉnh các nội dung quy chế dạy học trực tuyến theo hướng phát huy tính tích cực của giáo viên-nhân viên trong tự bồi dưỡng các năng lực sử dụng công nghệ và đánh giá học sinh qua hoạt động học tập trực tuyến.

Phát huy vai trò của giáo viên trong xây dựng nguyên tắc đánh giá kết quả học tập của học sinh.

## Tự đánh giá: Đạt mức độ 2

**1.3. Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến** *(Tối đa 30 điểm)*

**1.3.1. Mô tả hiện trạng:**

Năm thứ 4 có sử dụng thống nhất phần mềm dạy học trực tuyến trên Meeting zoom, trường sử dụng tài nguyên tài khoản moet.edu tạo và cấp tài khoản học tập cho từng lớp nhưng hiện chưa có bản quyền (hạn chế 30 phút). Bên cạnh đó có thống nhất phương án sử dụng dự phòng Google meet cho việc dạy học trực tuyến. Có phương án cho học sinh diện nghỉ học nhiều ngày không đến trường thực hiện học trực tuyến song song với các học sinh của lớp [1-1.3-01]

Trường triển khai hướng dẫn cho giáo viên, học sinh sử dụng website olm.vn trong các hoạt động dạy trực tuyến (Meeting zoom chạy trên nền tảng olm.vn do bên quản trị olm cung cấp) đảm bảo giao bài học sinh tự học bằng video, có hệ thống câu hỏi kiểm tra việc nhận biết, thông hiểu, vận dụng nội dung video học tập, kiến thức của bài học. Sử dụng olm.vn cho việc tổ chức cho học sinh tự kiểm tra, hỏi đáp trực tuyến trên hệ thống phục vụ cho hoạt động đánh giá bằng nhận xét qua hệ thống bài tập trắc nghiệm, phiếu kiểm tra tự luận [1-1.3-02]; [1-1.3-03].

**1.3.2. Điểm mạnh:**

Chủ động phương án dạy học trực tuyến có quản lý hoạt động các tài khoản dạy học theo lớp phù hợp cho công tác quản lý và xây dựng hoạt động như trường học trực tuyến.

Có hệ thống LMS bản quyền và quản trị được các hoạt động của hệ thống.

#### **1.3.3. Điểm yếu:**

Chưa đảm bảo tương tác GV - HS trên môi trường trực tuyến và chưa có sự tham gia phối hợp của phụ huynh học sinh trong quá trình học tập của học sinh.

**1.3.4. Kế hoạch cải tiến:**

Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên có nhiều phương án dạy học trực tuyến, kết hợp dạy học trực tuyến và trực tiếp để hướng đến giảm thời lượng học tập trực tiếp trên lớp, dành nhiều thời gian cho các hoạt động giáo dục trải nghiệm.

Xây dựng đầy đủ quy chế và phối hợp cùng phụ huynh trong việc tạo điều kiện về thiết bị học tập, quản lý thời gian tự học, học trực tuyến của học sinh.

**1.3.5. Tự đánh giá:** Đạt Mức độ 2 (14/30 điểm), *Cụ thể:*

*- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến, trực tiếp: 05 điểm.*

*- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:*

*(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học (05 điểm).*

*(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh (03 điểm).*

*(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên (05 điểm).*

*(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh (05 điểm).*

## 1.4. Tiêu chí 1.4: Số lượng học liệu được số hóa *(Tối đa 10 điểm)*

**1.4.1. Mô tả hiện trạng**

Ngay đầu năm học, nhà trường đã thực hiện triển khai việc xây dựng học liệu và số hóa học liệu đưa vào kho lưu trữ dùng chung [1-1.4-01]. Với sự triển khai và tổ chức thực hiện cùng sự giám sát thường xuyên. Nội dung các học liệu phù hợp với nội dung bài học và chủ đề học tập. Đảm bảo tính khoa học và sư phạm. Các học liệu đều được tổ chuyên môn thông qua và đã được phê duyệt của nhà trường.[1-1.4-02], [1-1.4-03], [1-1.4-04]. Để lưu trữ và khai thác sử dụng chung, nhà trường đã thực hiện việc lưu trữ trên Drive. Cán bộ quản lý phụ trách sẽ chia sẻ quyền chỉnh sửa cho các thành viên.

Tuy nhiên do thực trạng hiện nay của nhà trường chưa có nhiều phần mềm mô phỏng dạy dạy học nên việc tích hợp các tài nguyên dành cho dạy học bao gồm: Bài giảng điện tử, kế hoạch dạy học, đề thi, thư viện ảnh, video và tư liệu tham khảo số lượng số hóa còn hạn chế

**1.4.2. Điểm mạnh**

- Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày.

- Trong quản lý giáo dục, nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung đó là trang Driver.

- Học liệu dạy học trực tuyến phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; Bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

- Về dạy - học, 100% giáo viên toàn trường sử dụng CNTT; Tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường khá phong phú: kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử có chất lượng, …góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh việc học tập suốt đời

**1.4.3. Điểm yếu**

- Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh vì vậy vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử…) chưa đa dạng về hình thức.

- Việc lưu trữ học liệu trên drive vẫn còn nhiều hạn chế như dung lượng không nhiều và tính an toàn cho học liệu chưa cao.

- Trình độ tin học của một số CBGVNV còn hạn chế nên việc thực hiện UDCNTT trong việc thiết kế, tạo ra học liệu số còn gặp nhiều vất vả.

**1.4.4. Kế hoạch cải tiến**

- Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ việc dạy - học, kiểm tra, đánh giá, học sinh), tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

- Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong hoạt động giảng dạy tới giáo viên thuộc tổ chuyên môn. Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn trong công tác chỉ đạo các thành viên thực hiện theo kế hoạch của nhà trường

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

**1.4.5. Tự đánh giá**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ số** | **Điểm số** |
| Số lượng học liệu được số hóa đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt | 10 |
| **Tổng điểm: 10** - **Đạt: Mức độ 3** | |

**1.5. Tiêu chí 1.5: Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính (Tối đa 20 điểm)**

- Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN

- Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường

**1.5.1. Mô tả hiện trạng**

Trường hiện nay nhà trường mới tổ chức cho học sinh tham gia các nội dung thi Olympic tiếng Anh trên mạng ( IOE). Đây là hình thức thi trực tuyến giúp học sinh rèn luyện kỹ năng tiếng Anh, đồng thời tiếp cận môi trường học tập hiện đại, linh hoạt; Chưa tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính [1-1.5-01].

Có phần mềm tổ chức kiểm tra trên máy tính có khả năng kết nối, đồng bộ và trao đổi kết quả trực tiếp với hệ thống quản trị nhà trường[1-1.5-02]. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, công sức trong công tác chấm điểm, tổng hợp mà còn đảm bảo tính minh bạch, chính xác trong quản lý kết quả học tập của học sinh.

**1.5.2. Điểm mạnh**

CBQL, GV, NV đầy đủ máy tính cá nhân phục vụ việc học và đủ điều kiện số lượng máy tính cho kiểm tra trực tuyến khi HS tham gia học tập.

Có 01 máy tính dùng chung để phục vụ cho GV có nhu cầu sử dụng truy cập tài liệu hồ sơ (01 máy để tại phòng Thư Viện)

**1.5.3. Điểm yếu**

Chưa đủ điều kiện kỹ thuật tổ chức kiểm tra trực tuyến (phần mềm quản lý kiểm tra; Kế hoạch tổ chức, quy chế thực hiện kiểm tra trực tuyến).

Nhà trường chưa có phòng máy tính để phục vụ việc học tập cho HS học môn tin học.

**1.5.4. Kế hoạch cải tiến**.

Trang bị máy tính cho phòng Tin học , phục vụ việc học tập cho HS khi học thực hành

**1.5.5. Tự đánh giá:****Đạt Mức độ 1** **(7/20 điểm)**

**1.6. Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số**

+ Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu

- Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học

- Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử

**1.6.1. Mô tả hiện trạng**

100% giáo viên được cấp và sử dụng tài khoản trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến https://temis.csdl.edu.vn/temis của Học viện quản lí giáo dục để tham gia bồi dưỡng chương trình GDPT 2028. 100% CBQL, giáo viên đăng ký tham gia bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn SGK theo chương trình GDPT 2018. 100% được đánh giá về mức độ ứng dụng CNTT trong đổi mới dạy học [1-1.6-01]; [1-1.6-02]; [1-1.6-03].

100% giáo viên xây dựng bài giảng có khai thác, sử dụng học liệu số từ nguồn được thẩm định của tổ chuyên môn. 100% giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử [1-1.6-04];

**1.6.2. Điểm mạnh**

Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến. Số lượng giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy.

**1.6.3. Điểm yếu**

Giáo viên tự xây dựng sản phẩm học liệu số sử dụng cho bài dạy chưa cao.

**1.6.4. Kế hoạch cải tiến**

CBQL và TTCM chủ động xây dựng các chuyên đề học tập và các tiêu chí thi đua tạo động lực cho giáo viên khai thác các tài khoản học tập bồi dưỡng trực tuyến.

Phó hiệu trưởng phụ trách tham mưu với lãnh đạo trường tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử, đánh giá học liệu số ngày càng phù hợp các yêu cầu đổi mới.

**1.6.5. Tự đánh giá:Đạt Mức độ 3** *(20/20 điểm)*

**1.7.****Tiêu chí 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học (Tối đa 20 điểm)**

- Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học. Tối đa 8 điểm. Chi tiết, tỉ lệ phòng học đáp ứng yêu cầu: <20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học. Tối đa 7 điểm. Chi tiết: Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm.

- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử). Tối đa 5 điểm.

**1.7.1. Mô tả hiện trạng**

22/22 = 100% phòng học được trang bị màn chiếu, máy chiếu, có hệ thống mạng internet, wifi đảm bảo cho việc dạy và học Ứng dụng CNTT của giáo viên và học tập của học sinh [ 1-1.7-01]. Nhà trường ban hành kế hoạch số 94/KH-THHX ngày 20/9/2024 về thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin và công tác Thống kê Năm học 2024-2025. Các thiết bị dạy học được bàn giao cho giáo viên chủ nhiệm ngay từ đầu năm học, giáo viên có trách nhiệm bảo quản và sử dụng đúng mục đích. Có kế hoạch sử dụng các thiết bị công nghệ [ 1-1.7-02],

Có sổ theo dõi mượn, trả các thiết bị trong phòng học theo yêu cầu [ 1-1.7-03], [ 1-1.7-04]

Có hoá đơn tiền internet (hợp đồng có ghi rõ thông số mạng) [ 1-1.7-05]

**1.7.2. Điểm mạnh**

Được trang bị thiết bị phục vụ dạy học cơ bản đáp ứng theo hướng chuyển đổi số và tổ chức quản lí sử dụng đảm bảo theo hướng dẫn của Sở GDĐT về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động UD CNTT trong dạy học.

**1.7.3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có sơ đồ mạng Lan, mạng Internet, Chưa có phòng Studio hỗ trợ cho việc xây dựng học liệu số và bài giảng điện tử.

**1.7.4. Kế hoạch cải tiến**

Phát huy nghiệp vụ tổ công nghệ thông tin nhà trường và ban chỉ đạo chuyển đổi số của trường xây dựng quy trình kỹ thuật, tiêu chí thẩm định học liệu số, bài giảng điện tử. Từ đó đề xuất nhà trường mua sắm trang thiết bị phù hợp tránh lãng phí.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng năng lực sử dụng hệ thống thiết bị được trang bị trong hoạt động chuyển đổi số trong dạy học.

**1.7.5. Tự đánh giá:**Đạt Mức độ 1 *(7/20 điểm)*

## \* Kết luận về Nhóm Tiêu chí “Chuyển đổi số trong dạy, học”.

Nhà trường chủ động thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến gắn liền với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch chuyển đổi số.

Các kế hoạch đã có xây dựng các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp phù hợp cho giáo viên, nhân viện thực hiện và đánh giá hiệu quả.

Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến, quy chế dạy học trực tuyến đầy đủ, rõ ràng giúp giáo viên thuận tiện trong xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục các môn học.

Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến. Chủ động phương án dạy học trực tuyến có quản lý hoạt động các tài khoản dạy học theo lớp phù hợp cho công tác quản lý và xây dựng hoạt động như trường học trực tuyến. Có hệ thống LMS bản quyền và quản trị được các hoạt động của hệ thống.

Số lượng học liệu được số hóa, thẩm định các học liệu số giáo viên thực hiện sử dụng dạy học đảm bảo 2 lần/năm và có bộ tiêu chí thẩm định rõ ràng.

Có tổ chức triển khai các cuộc thi, hội thi trên máy tính. Có đầy đủ máy tính phục vụ việc học, ôn luyện và thi trực tuyến.

Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số, Giáo viên có tài khoản và khai thác hiệu quả hoạt động học tập, bồi dưỡng trực tuyến. Số lượng giáo viên có thu thập, sử dụng học liệu số trong các bài học và trình chiếu trong các bài dạy.

Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học, được trang bị thiết bị phục vụ dạy học cơ bản đáp ứng theo hướng chuyển đổi số và tổ chức quản lí sử dụng đảm bảo theo hướng dẫn của Sở GDĐT về thiết bị đồ dùng dạy học và hoạt động UD CNTT trong dạy học.

## Đánh giá chung: Đạt mức độ 2 (58/100 điểm)

1. **Nhóm Tiêu chí “Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục” Mở đầu**:

Chuyển đổi số là bước chuyển mình mạnh mẽ, đòi hỏi sự thay đổi từ trong tư duy, nhận thức của mỗi người. Do vậy, cần thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, phổ cập tầm quan trọng cho giáo viên, giảng viên, cán bộ nhà trường. Từ đó mới phối hợp cùng nhau [xây dựng văn hóa số](https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/van-hoa-so) trong giáo dục. Tiến hành hướng

dẫn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ trong ứng dụng công nghệ số cho tất cả những người làm công tác giảng dạy, như kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin,... trên môi trường số. Giáo viên đóng vai trò quan trọng trong thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục bằng cách áp dụng công nghệ số trong phương pháp giảng dạy, giúp mở ra nhiều cơ hội để tăng cường chất lượng giáo dục và giúp học sinh phát triển toàn diện trong thế giới [số hóa](https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/so-hoa-la-gi) ngày càng phát triển.

Cải thiện cơ sở dữ liệu: Việc chú trọng vào triển khai quản lý hệ thống, chia sẻ dữ liệu để đồng bộ trong giáo dục, chuyển đổi tất cả tài liệu từ giấy tờ qua văn bản điện tử. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng, các thiết bị phục vụ quá trình dạy và học, tạo cơ hội học tập bình đẳng cho tất cả mọi người, ở mọi vùng miền có điều kiện kinh tế - [xã hội số](https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/xa-hoi-so-la-gi) khác nhau.

Các hoạt động như thúc đẩy triển khai học liệu số, hình thành kho học liệu mở dùng chung cho toàn ngành, đồng thời hợp tác, liên kết với các tổ chức trên thế giới, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền, khuyến khích và hỗ trợ triển khai các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

Xây dựng hạ tầng mạng và các thiết bị công nghệ tiên tiến: Hạ tầng mạng và các trang thiết bị phải được cải tiến, đổi mới khi chuyển đổi số trong giáo dục, đặc biệt là những nơi có kết nối kém. Tăng cường kết hợp với các công nghệ hiện đại trên thế giới như AI, [Big data](https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/big-data-la-gi), [IoT](https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/iot-la-gi), Blockchain,... với cơ sở dữ liệu số để xây dựng hệ thống thu thập thông tin, đưa ra dự báo và thiết lập ứng dụng, dịch vụ phù hợp đến từng đối tượng người học.

Hoàn thiện hệ thống pháp lý, ứng dụng phần mềm quản lý: Việc hoàn thiện hệ thống pháp lý, chính sách sẽ đảm bảo quyền lợi cho người học. Theo đó, cần thống nhất các quy định liên quan đến: Khai thác, chia sẻ dữ liệu, thông tin; Hình thức giảng dạy; Quản lý các khóa học trực tuyến; Điều kiện cần và đủ để mở trường học.

Quá trình chuyển đổi số trong giáo dục cần áp dụng các phần mềm quản lý, đây cũng là hình thức được nhiều trường học, cơ sở áp dụng. Bên cạnh đó, các phần mềm tích hợp tính năng vượt trội cũng giúp nhà trường tăng cường nghiệp vụ, quản lý hồ sơ, giảng dạy với các thao tác linh hoạt, nhanh chóng. Việc phát triển các khóa học trực tuyến cũng góp phần rất lớn trong công tác phục vụ giáo viên dạy học tại vùng sâu, vùng xa, những nơi có hoàn cảnh khó khăn và địa hình hiểm trở, thời tiết xấu, cơ sở vật chất nhà trường chưa hoàn thiện,...

Sử dụng nền tảng học liệu số trong giáo dục: [iGiaoduc.vn](https://igiaoduc.vn/) là một nền tảng giáo dục số trực tuyến được phát triển bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Ban điều hành Đề án Hệ tri thức Việt số hóa và các đối tác tài trợ, hỗ trợ. Nền tảng này được xây dựng nhằm mục tiêu thu thập, lựa chọn, chia sẻ học liệu số dùng chung phục vụ đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá trong các nhà trường. iGiaoduc.vn là một kho [học liệu số](https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/hoc-lieu-so-la-gi) khổng lồ với hơn 100.000 học liệu số thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm: Sách giáo khoa; Bài giảng; Bài tập; Kiểm tra, đánh giá; Trò chơi học tập; Video bài giảng; E-learning.

## Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số *(theo QĐ số 104/QĐ-THHX ngày 10/9/2024)* *Trưởng ban: đ/c Phạm Thị Kim Liên- Hiệu trưởng; thhaixuan@pgdmongcai.edu.vn. ĐT 0912025118.*

**2.1.1. Mô tả hiện trạng**

Sau khi ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm học, căn cứ nhiệm vụ được phân công, trường đã ban hành Quyết định số 104/QĐ-THHX ngày 10/9/2024 về việc thành lập bộ phận chỉ đạo và phụ trách triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) và chuyển đổi số (CĐS). [2-2.1-01]

Nhà trường đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân phụ trách công tác UDCNTT và CĐS, thể hiện qua các văn bản phân công do Ban Giám hiệu ký ban hành. [2-2.1-02].

**2.1.2. Điểm mạnh**

Trường có văn bản chỉ đạo rõ ràng, đầy đủ, thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của lãnh đạo nhà trường trong việc triển khai UDCNTT và CĐS. Bộ phận phụ trách CĐS hoạt động ổn định, có phân công cụ thể từng cá nhân đảm nhận mảng công việc rõ ràng. Đảm bảo tính thống nhất và xuyên suốt trong công tác triển khai nhờ sự chỉ đạo tập trung của Ban Giám hiệu.

**2.1.3. Điểm yếu**

Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận CĐS chưa được định kỳ hoặc chưa có tiêu chí đánh giá cụ thể. Một số cán bộ được phân công nhiệm vụ còn kiêm nhiệm nhiều công việc khác, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai.

**2.1.4.** **Kế hoạch cải tiến**

Rà soát, điều chỉnh phân công nhiệm vụ đảm bảo đúng người, đúng việc, tránh tình trạng kiêm nhiệm gây quá tải. Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận chuyển đổi số theo từng học kỳ. Tổ chức họp định kỳ để đánh giá, rút kinh nghiệm, cập nhật kế hoạch triển khai UDCNTT và CĐS. Tăng cường phối hợp nội bộ giữa các tổ chuyên môn và bộ phận CĐS nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý.

**2.1.5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

* 1. **Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.**

Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

**2.2.1. Mô tả hiện trạng**

Trường ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại kế hoạch số 94/KH-THHX ngày 20/9/2024. Trong kế hoạch thể hiện rõ các nội dung: Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung theo kế hoạch; Hướng dẫn, tập huấn cho giáo viên về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý; Xây dựng hệ thống thiết bị, cơ sở dữ liệu dùng chung của nhà trường; Quản lý, vận hành các hệ thống, phần mềm dùng chung của nhà trường; Hỗ trợ kỹ thuật về công nghệ thông tin cho cán bộ, giáo viên nhà trường; Tổng hợp, báo cáo tiến độ triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số [2-2.2-01].

**2.2.2. Điểm mạnh**

Trường ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ chuyên môn. Hướng dẫn, tập huấn giáo viên nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy học và công tác quản lý. Quản lý và vận hành hiệu quả các hệ thống, phần mềm dùng chung.

**2.2.3. Điểm yếu**

Một số nội dung chưa đủ điều kiện triển khai do còn thiếu điều kiện công nghệ thực

hiện.

**2.2.4.** **Kế hoạch cải tiến**

Ban chỉ đạo thực hiện tham mưu đầy đủ các nội dung, phù hợp hiện trạng nhà trường để có các văn bản chỉ đạo điều hành hiệu quả, thực tế.

Đảm bảo kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường và có tính khả thi cao.

Đề xuất các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời để triển khai hiệu quả trong toàn trường.

**2.2.5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

**2.3. Tiêu chí 2.3: Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường** *(tối đa 70 điểm)*

- Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường, cụ thể:

( Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)

- Phần mềm: CCVC ; Smas, CSDL, TEMIS, MISA(Mua).

- https://ccvc.quangninh.vn

- https://smas.edu.vn/

- https://truong.csdl.moet.gov.vn/Login.

- temis.csdl.edu.vn.)

- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường

- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)

- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử

- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV

- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất

- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh

- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán

**2.3.1. Mô tả hiện trạng**

Trường có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường <https://truong.csdl.moet.gov.vn>; <https://csdl.moet.gov.vn> và hướng dẫn thực hiện trong văn bản ban hành quy định lập và sử dụng hồ sơ sổ sách nhà trường, TCM, giáo viên tại Kế hoạch số 35/KH-THHX ngày 26/8/2024; QĐ 66/QĐ-THHX ngày 26/8/2024; QĐ 107/QĐ-THHX ngày 16/9/2024. [2-2.3-01], [2-2.3-02].

Trường có đường link truy cập phần mềm quản lý, ảnh chụp màn hình giao diện phần mềm quản trị của nhà trường. Năm học 2024-2025 thực hiện cấp và sử dụng chữ ký số cho 100% CBQL, GV, NV nhà trường. Trường sử dụng hệ thống qlth.quangninh.edu.vn đồng bộ dữ liệu trường học của Sở GDĐT triển khai bao gồm phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). Thực hiện sổ điểm điện tử, học bạ điện tử. Thực hiện triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV trên webste <https://ccvc.quangninh.gov.vn>; Có triển khai phân hệ quản lý CSVC; Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin sức khỏe học sinh; Có triển khai phân hệ quản lý kế toán; Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (bộ). [2-2.3-03], [2-2.3-04], [2-2.3-05], [2-2.3-06], [2-2.3-07], [2-2.3-058], [2-2.3-09], [2-2.3-10].

**2.3.2. Điểm mạnh**

Trường có đầy đủ văn bản pháp lý và minh chứng triển khai hệ thống quản lý điện tử. Các phân hệ quản lý bao quát toàn bộ hoạt động nhà trường. Có sự phối hợp, phân công rõ ràng giữa các cá nhân phụ trách từng phân hệ. Hệ thống phần mềm đã kết nối với cơ sở dữ liệu ngành, đảm bảo tính đồng bộ và chính xác.

**2.3.3. Điểm yếu**

Một số phân hệ chưa được khai thác tối đa công suất (ví dụ: quản lý sức khỏe học sinh). Nhân sự sử dụng phần mềm chưa đồng đều về kỹ năng CNTT.

**2.3.4.** **Kế hoạch cải tiến**

Tập huấn định kỳ cho giáo viên và nhân viên về sử dụng các phân hệ phần mềm quản lý. Tăng cường kiểm tra nội bộ việc cập nhật, nhập liệu, và khai thác dữ liệu từ các phân hệ.

**2.3.5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2** *(62/70 điểm), cụ thể:*

*- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường (07 điểm)*

*- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) (08 điểm)*

*- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử (10)*

*- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV (07điểm)*

*- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất (06 điểm)*

*- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh (8 điểm)*

*- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán (08 điểm)*

*- Triển khai các phần mềm quản trị nhà trường đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT (08 điểm)*

**2.4. Tiêu chí 2.4: Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến** *(Tối đa 30 điểm)*

Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến được đánh giá thông qua các dịch vụ sau đây:

- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua ứng dụng OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web). Tối đa 8 điểm. Điểm số được đánh giá theo mức độ tự động (automation) của ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường theo các kịch bản, sự kết nối với dữ liệu quản trị của nhà trường, tỉ lệ học sinh của nhà trường có sử dụng ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường, tỉ lệ hài lòng của phụ huynh học sinh với nhà trường, …

- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến. Tối đa 12 điểm. Đánh giá theo mức độ hoàn thiện của hệ thống phần mềm tuyển sinh trong quá trình thực hiện (hỗ trợ một phần, hỗ trợ toàn phần, có xác thực chứng thư số, …).

- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Tối đa 10 điểm. Đánh giá theo số lượng dịch vụ thực hiện thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt (tỉ lệ dịch vụ, tỉ lệ tiền thanh toán không dùng tiền mặt, các ứng dụng và quy trình ứng dụng hình thức không dùng tiền mặt, …).

**2.4.1. Mô tả hiện trạng**

Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng OTT chủ yếu dùng qua zalo tạo nhóm phụ huynh, học sinh, tổ - nhóm công tác, chuyên môn từ đó tạo các tương tác, kết giữa gia đình và nhà trường, giáo viên với giáo viên, quản trị trường với giáo viên - nhân viên. Bên cạnh đó sử dụng các tiện ích trực tuyến trong khảo sát, phiếu hỏi các nội dung dịch vụ công đến GV-HS-PHHS [2-2.4-01].

Có triển khai danh sách ứng dụng thường được sử dụng để liên lạc phụ huynh và nhà trường (Zalo), học bạ điện tử qua GVCN, tổ trưởng [2-2.4-02].

Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến có hỗ trợ một phần đối với các bước thực hiện đăng ký tuyển sinh trực tuyến lớp 1 [2-2.4-03].

Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục (bảo hiểm) theo hình thức không dùng tiền mặt đối với 100% học sinh [2-2.4-04]

**2.4.2. Điểm mạnh**

Các phần mềm được triển khai và sử dụng hiệu quả. Quản lý hồ sơ của học sinh, kết quả kiểm tra, thông tin cá nhân, gửi thông báo cho phụ huynh, ... tất cả thông tin về học sinh đang theo học tại trường giúp nhà trường quản lý học sinh dễ dàng hơn. Những thông tin trong phần mềm được cập nhật, bổ sung thuận tiện mọi lúc, mọi nơi.

**2.4.3. Điểm yếu**

Tương tác của một số phụ huynh trên cổng TTĐT nhà trường còn chưa thực sự cao, thường xuyên.

**2.4.4.** **Kế hoạch cải tiến**

Thường xuyên tuyên truyền, khuyến khích đến cha mẹ học sinh vào khai thác trang cổng thông tin điện tử nhà trường để tăng tính kết nối, đảm bảo thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình học sinh.

**2.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 3** *(25/30 điểm), cụ thể:*

*- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) (06 điểm)*

*- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến (12 điểm)*

*- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt (07 điểm)*

## \* Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục:

Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, triển khai kịp thời và đầy đủ các văn bản triển khai chỉ đạo, triển khai UD CNTT chuyển đổi số.

Trường ban hành kịp thời kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nội dung kế hoạch đầy đủ phù hợp cho tổ chức triển khai thực hiện tại các tổ, nhóm chuyên môn.

Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường, cơ bản đã thực hiện các yêu cầu về hệ thống quản trị trường; phân hệ quản lý cán bộ công chức và hồ sơ học sinh.

Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến, có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực, sử dụng hiệu quả ứng dụng kết nối nhà trường-gia đình và dịch vụ thu phí không dùng tiền mặt.

## Đánh giá chung: Đạt mức độ 3 (87/100 điểm)

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

- Kết quả Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số

+ Số tiêu chí đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 04 (100%)

+ Số tiêu chí chưa đạt (trong các Tiêu chí 1.1; 1.2; 2.1; 2.2): 0 (0%)

+ Số tiêu chí Mức độ 1: 2/7 = 28,6% (Tiêu chí 1.5 và 1.7)

+ Số tiêu chí Mức độ 2: 2/7 = 28,6% (Tiêu chí 1.3 và 2.3)

+ Số tiêu chí Mức độ 3: 3/7 = 42,8% (Tiêu chí 1.4, 1.6 và 2.4)

* Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức đáp ứng cơ bản - Mức độ 2.
* Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: Mức đáp ứng cơ bản - Mức độ 2.
* Các kết luận khác (nếu có)

*Hải Xuân, ngày 24 tháng 5 năm 2025*

# HIỆU TRƯỞNG

****

**Phạm Thị Kim Liên**